

Số: /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học
tại Đại học Quốc gia Hà Nội

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi bởi Luật Giáo dục 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 201/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của đại học quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quy chế tuyển sinh đại học chính quy tại ĐHQGHN ban hành theo Quyết định số 1868/QĐ-ĐHQGHN ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Quy chế tuyển sinh đại học vừa làm vừa học tại ĐHQGHN ban hành theo Quyết định số 2319/QĐ-ĐHQGHN ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc ĐHQGHN.

Điều 3. Chánh Văn phòng, trưởng ban chức năng, người đứng đầu đơn vị thành viên, trực thuộc ĐHQGHN và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- PGĐ.Nguyễn Hiệu (để b/c);
- Phòng HC-TH, VP ĐHQGHN (đăng website);
- Lưu: VT, ĐT&CTSV (06b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đào Thanh Trường

QUY CHẾ

Tuyển sinh đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội

(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguồn tuyển, chính sách ưu tiên, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, phương thức tuyển sinh; quy trình, nguyên tắc, yêu cầu; đăng ký xét tuyển, xét tuyển, xét tuyển bổ sung; trúng tuyển, xác nhận nhập học, bảo lưu kết quả trúng tuyển; quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh trình độ đại học của hình thức đào tạo chính quy, hình thức đào tạo thường xuyên tại Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN);

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác tuyển sinh đại học vào các chương trình đào tạo do Giám đốc ĐHQGHN, Hiệu trưởng trường thành viên cấp bằng và các chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do Giám đốc ĐHQGHN cấp bằng, hai bên cùng cấp bằng. Quy chế này không áp dụng đối với tuyển sinh các chương trình đào tạo liên kết do các cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phạm vi tuyển sinh là các chương trình, ngành, nhóm ngành (sau đây gọi chung là chương trình đào tạo) và hình thức đào tạo được tổ chức tuyển sinh trong một đợt, hoặc theo một phương thức tuyển sinh nhất định.

2. Cổng Thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) là giao diện trang điện tử (website) của Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung; là một phần của cơ sở dữ liệu ngành về giáo dục đại học.

3. Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT là hệ thống phần mềm hỗ trợ đăng ký nguyện vọng xét tuyển, trao đổi dữ liệu xét tuyển, xử lý nguyện vọng và quản lý dữ liệu trúng tuyển, nhập học của các đơn vị đào tạo.

4. Đơn vị đào tạo là trường đại học thành viên, trường thuộc ĐHQGHN có chức năng nhiệm vụ tổ chức đào tạo đại học.

5. Mã trường trong tuyển sinh là một mã quy ước gồm 03 ký tự chữ hoặc số thống nhất toàn quốc dùng để định danh tuyển sinh một đơn vị đào tạo.

6. Mã xét tuyển là một mã quy ước định danh của một chương trình (hoặc một ngành hoặc một nhóm ngành hoặc lĩnh vực) sử dụng thống nhất trong một đơn vị đào tạo. Mã xét tuyển do đơn vị đào tạo tự quy ước và tối đa không quá 09 ký tự bao gồm ký tự số và ký tự chữ.

7. Kỳ thi tuyển sinh là kỳ thi được tổ chức gắn với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ duy nhất hoặc kết hợp với các tiêu chí khác để xét tuyển.

8. Kỳ thi độc lập là kỳ thi được thiết kế và tổ chức độc lập với quy trình xét tuyển, lấy kết quả thi làm căn cứ xét tuyển độc lập hoặc xét tuyển kết hợp hoặc sử dụng làm điều kiện để xét tuyển.

9. Kỳ thi bổ trợ là kỳ thi được tổ chức bổ sung cho phương thức tuyển sinh (thi năng khiếu, thi tài năng, phỏng vấn) để lấy kết quả làm một căn cứ hoặc một tiêu chí phục vụ xét tuyển; có thể tổ chức theo hình thức thi trực tiếp hoặc trực tuyến; đơn vị tổ chức kỳ thi quy định quy trình tổ chức thi, đề thi, quy chế thi, đề án tổ chức thi và các điều kiện khác.

10. Thi trực tiếp là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tiếp tại địa điểm thi; thí sinh làm bài trên giấy hoặc trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn trước hội đồng.

11. Thi trực tuyến là hình thức tổ chức thi có người coi thi trực tuyến và giám sát bằng công nghệ; thí sinh làm bài trên máy tính, thiết bị nối mạng hoặc trả lời phỏng vấn qua mạng.

12. Phương thức tuyển sinh là việc đơn vị đào tạo sử dụng độc lập hoặc kết hợp các kết quả sau đây: kết quả học tập cấp THPT, điểm thi tốt nghiệp THPT, kết quả kỳ thi độc lập, kết quả kỳ thi bổ trợ, chứng chỉ quốc tế, chứng chỉ ngoại ngữ dùng để thay thế điểm môn ngoại ngữ, để xét tuyển thí sinh vào một chương trình đào tạo.

13. Quy đổi tương đương là việc quy đổi ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào, điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển của một mã xét tuyển theo một quy tắc do đơn vị đào tạo quy định, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo tương ứng (sau đây gọi là độ lệch điểm).

14. Tiêu chí đánh giá là việc sử dụng kết quả thi, kiểm tra để đánh giá năng lực của thí sinh nhằm phân loại thí sinh theo mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

15. Tiêu chí xét tuyển là những tiêu chí được dùng để xác định điều kiện trúng tuyển của thí sinh dựa trên kết quả học tập, kết quả thi hoặc cả kết quả học tập và kết quả thi và các tiêu chí đánh giá khác; được quy thành điểm số để xét tuyển (điểm xét tuyển) trong đó đã bao gồm điểm ưu tiên, điểm cộng (nếu có).

16. Trọng số tính điểm xét của 01 môn trong 01 tổ hợp xét tuyển là phần đóng góp của môn đó trong tổ hợp xét tuyển. Tổ hợp có 03 môn (không nhân hệ số) thì trọng số tính điểm xét của 01 môn bất kỳ trong tổ hợp xét tuyển là 1/3.

17. Dự tuyển là việc một thí sinh tham dự quy trình tuyển sinh vào chương trình đào tạo của một đơn vị đào tạo, thông qua việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung và đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển theo quy định của đơn vị đào tạo (nếu có).

18. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào (gọi tắt là ngưỡng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

19. Điểm ưu tiên là mức điểm thí sinh được hưởng theo khu vực, đối tượng ưu tiên được quy định tại Quy chế này.

20. Điểm cộng do ĐHQGHN xây dựng và công bố theo các tiêu chí thành tích phù hợp với đầu vào chương trình đào tạo bao gồm:

a) Điểm thưởng dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Quy chế này; mức điểm thưởng tối đa 3,00 điểm theo thang điểm 30;

b) Điểm xét thưởng dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt; mức điểm xét thưởng tối đa 1,50 điểm theo thang điểm 30;

c) Điểm khuyến khích dành cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế; mức điểm khuyến khích tối đa 1,50 điểm theo thang điểm 30.

21. Xét tuyển thẳng là việc thực hiện quy trình xét tuyển hồ sơ thí sinh và công nhận trúng tuyển đối với những đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế này.

22. Xét tuyển là quy trình xử lý riêng tại từng đơn vị đào tạo hoặc xử lý chung theo nhóm trường để xác định điều kiện trúng tuyển và lập danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vào một chương trình đào tạo theo các tiêu chí xét tuyển do đơn vị đào tạo xác định căn cứ theo các quy định của Quy chế này.

23. Xử lý nguyện vọng là quy trình xử lý trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung để xác định nguyện vọng cao nhất trong số nguyện vọng mà thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển, trên cơ sở đó lập danh sách thí sinh trúng tuyển.

24. Điểm trúng tuyển của một chương trình đào tạo là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào chương trình đào tạo đó) có điểm xét tuyển bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển và được làm tròn đến hàng phần trăm. Việc làm tròn điểm được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn toán học đến hàng phần trăm, sau khi cộng đầy đủ điểm ưu tiên và điểm cộng (nếu có).

Điều 3. Nguyên tắc cơ bản trong tuyển sinh

1. Công bằng đối với thí sinh

d) Về cung cấp thông tin: thí sinh quan tâm được cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng, tin cậy, nhất quán và kịp thời để có quyết định phù hợp và chuẩn bị tốt nhất cho việc tham gia tuyển sinh;

e) Về cơ hội dự tuyển: không thí sinh nào bị mất cơ hội dự tuyển do những quy định không liên quan tới trình độ, năng lực hoặc do quy trình tuyển sinh gây phiền hà, tốn kém;

f) Về đánh giá năng lực: thí sinh phải được đánh giá khách quan, công bằng và tin cậy về khả năng chuyên môn, ngoại ngữ và các năng lực khác nhằm đáp ứng yêu cầu đầu vào của ngành và chương trình đào tạo;

g) Về cơ hội trúng tuyển: Thí sinh phải được tạo cơ hội trúng tuyển cao nhất và quyền xác định nguyện vọng ưu tiên trong số những chương trình, ngành đào tạo đủ điều kiện trúng tuyển;

e) Về thực hiện cam kết: đơn vị đào tạo phải thực hiện các cam kết đã thông báo đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

2. Bình đẳng giữa các đơn vị đào tạo

a) Về hợp tác: hợp tác bình đẳng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyển sinh, bảo đảm quyền lợi tối đa cho thí sinh;

b) Về cạnh tranh: cạnh tranh lành mạnh, công bằng trong tuyển sinh.

3. Minh bạch đối với xã hội

a) Về minh bạch thông tin: đơn vị đào tạo có trách nhiệm công bố thông tin tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng và kịp thời qua các phương tiện truyền thông phù hợp;

b) Về trách nhiệm giải trình: đơn vị đào tạo có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của ĐHQGHN, các cơ quan quản lý nhà nước và giải trình với các bên liên quan qua hình thức phù hợp về công tác tuyển sinh.

Điều 4. Yêu cầu chung trong tuyển sinh

1. Đơn vị đào tạo thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với trách nhiệm giải trình về công tác tuyển sinh; bảo đảm nguyên tắc công bằng, khách quan, công khai, minh bạch.

2. Đơn vị đào tạo thực hiện tất cả biện pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo; tổ chức xét tuyển tất cả nguyện vọng hợp lệ của thí sinh đã đăng ký xét tuyển vào đơn vị đào tạo trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung.

3. Đơn vị đào tạo phối hợp chặt chẽ nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong hệ thống, giúp nâng cao chất lượng đầu vào, hiệu quả tuyển sinh của mỗi đơn vị và của toàn hệ thống, đồng thời tác động tích cực tới việc dạy và học ở giáo dục phổ thông.

Điều 5. Người dự tuyển, điều kiện dự tuyển

1. Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Người dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy chế này đối với chương trình đào tạo đăng ký dự tuyển, trừ các đối tượng tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 của Quy chế này;

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của cơ sở đào tạo.

3. Đơn vị đào tạo bổ sung quy định cụ thể về đối tượng, hồ sơ, trình tự, điều kiện dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh nhưng phải tuân thủ nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

4. Đối với người dự tuyển là người khuyết tật ảnh hưởng khả năng học tập, đơn vị đào tạo thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với năng lực và sức khỏe của thí sinh.

Điều 6. Phương thức tuyển sinh và nguồn tuyển

1. Các đơn vị đào tạo sử dụng tối đa 05 phương thức tuyển sinh không bao gồm xét tuyển thẳng, xét tuyển đối tượng cử tuyển, xét tuyển đối tượng dự bị đại học. Các phương thức tuyển sinh của ĐHQGHN:

a) Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQGHN (*chi tiết tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quyết định này*);

b) Thí sinh sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT của năm tuyển sinh đạt ngưỡng đầu vào do ĐHQGHN quy định;

c) Thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức đạt ngưỡng đầu vào do ĐHQGHN quy định;

d) *Các phương thức tuyển sinh khác (sử dụng các chứng chỉ quốc tế):* Đơn vị đào tạo có thể sử dụng kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ), chứng chỉ quốc tế A-Level của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh, kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT (American College Testing) đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào theo quy định.

e) Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT (***chỉ áp dụng đối với tuyển sinh đào tạo thường xuyên***) bắt buộc môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu nêu tại mục 5 Điều này.

f) Ngoài các phương thức tuyển sinh nêu trên, các đơn vị có chương trình đào tạo đặc thù có phương thức tuyển sinh riêng (*thi năng khiếu/thi phỏng vấn kết hợp với kết quả học tập cấp THPT/kết quả thi tốt nghiệp THPT/kết quả thi đánh giá năng lực/chứng chỉ quốc tế/chứng chỉ ngoại ngữ*) hoặc sử dụng phương thức tuyển sinh khác phải xây dựng phương án cụ thể và báo cáo Giám đốc ĐHQGHN xem xét, phê duyệt trước ngày 30/4 hằng năm.

Các chứng chỉ ngoại ngữ, SAT, ACT, A-Level (nếu có) và kết quả thi đánh giá năng lực sử dụng trong tuyển sinh phải còn thời hạn sử dụng tính đến thời điểm kết thúc đăng ký/nộp hồ sơ xét tuyển (chứng chỉ, chứng nhận có giá trị 02 năm kể từ ngày thi).

2. Mỗi phương thức tuyển sinh phải quy định rõ các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét, điều kiện trúng tuyển trong đó:

a) Các tiêu chí dùng để đánh giá, xét tuyển phải dựa trên yêu cầu về kiến thức nền tảng và năng lực cốt lõi mà thí sinh cần có để theo học chương trình đào tạo;

b) Phương thức xét tuyển không thể hiện được yêu cầu ở điểm a khoản này thì người dự tuyển phải có kết quả học tập tối thiểu 02 học kỳ lớp 12 hoặc có điểm thi tốt nghiệp THPT môn học phù hợp với yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo trừ trường hợp xét tuyển vào các ngành ngôn ngữ hoặc sư phạm ngoại ngữ;

c) Tổng điểm cộng bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét tuyển;

d) Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa theo thang điểm xét 30 điểm đối với tổ hợp xét tuyển theo 03 môn và bảo đảm không có thí sinh có điểm xét vượt quá mức điểm 30 điểm (bao gồm cả điểm cộng và điểm ưu tiên quy định tại Điều 7 của Quy chế này).

3. Nguồn xét tuyển vào chương trình đào tạo trình độ đại học là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (*kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề*) theo tổ hợp xét tuyển (*hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác (một trong hai môn thi tốt nghiệp còn lại)*) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026;

Quy định này không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và thí sinh quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 8 của Quy chế này.

4. Trường hợp thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (để miễn thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ) đăng ký xét tuyển đại học, đơn vị công bố bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ và điểm xét môn ngoại ngữ theo quy định tại Quy chế này, cụ thể:

a) Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh và điểm xét môn ngoại ngữ xây dựng phải có tối thiểu 05 mức điểm chênh lệch ứng với thang điểm của chứng chỉ sử dụng;

b) Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ khác và điểm xét môn ngoại ngữ tương ứng do Hiệu trưởng đơn vị đào tạo quy định trên cơ sở tương ứng với bảng quy đổi điểm chứng chỉ tại Phụ lục kèm theo Quy chế này;

c) Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ được rà soát, điều chỉnh tối thiểu 02 năm một lần trên cơ sở đối sánh kết quả học tập thực tế của sinh viên trúng tuyển;

d) Chứng chỉ ngoại ngữ chỉ được dùng cho quy đổi điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển hoặc sử dụng cho điểm khuyến khích.

5. Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả học tập các môn học cấp THPT bắt buộc môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

a) Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 03 môn học theo thang điểm 30;

b) Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 02 môn học (trong đó bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn) và dùng chứng chỉ ngoại ngữ (chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành), đơn vị đào tạo quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ.

c) Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không học đủ 06 học kỳ cấp THPT theo năm do thay đổi lựa chọn môn học thì sử dụng kết quả học tập môn học khác gần lĩnh vực thay thế.

6. Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

a) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT dùng để xét tuyển có ít nhất 03 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo;

b) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT có dùng chứng chỉ ngoại ngữ (chứng chỉ ngoại ngữ áp dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành), đơn vị đào tạo quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

7. Đối với một chương trình đào tạo có nhiều phương thức tuyển sinh hoặc kết hợp các phương thức tuyển sinh hoặc sử dụng kết quả kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi độc lập hoặc tổ hợp xét tuyển khác:

a) Đơn vị đào tạo xác định độ lệch điểm theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN, bảo đảm tuyển chọn được các thí sinh đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo;

b) Không quy định mã xét tuyển riêng, số lượng tuyển sinh xét tuyển riêng cho từng phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp xét tuyển, trừ việc quy định số lượng tuyển sinh xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

8. Đơn vị đào tạo tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình về căn cứ xác định phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển, quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ, độ lệch điểm dựa trên số liệu phân tích, đánh giá và đối sánh kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển các năm trước; có trách nhiệm xử lý bảo đảm quyền lợi của thí sinh khi phát sinh các tình huống, sự cố ảnh hưởng đến kết quả thi, kết quả trúng tuyển của thí sinh.

9. Tuyển sinh của các chương trình đào tạo đặc thù, đào tạo đặt hàng theo các đề án, nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thực hiện theo đề án.

10. Các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao phải xét tuyển có điều kiện ngoại ngữ đầu vào, cụ thể: kết quả môn ngoại ngữ trong kì thi tốt nghiệp THPT của năm tuyển sinh đạt tối thiểu 5,0 điểm (theo thang điểm 10) hoặc điểm trung bình chung môn ngoại ngữ 6 kỳ của cấp THPT đạt tối thiểu 7,0 hoặc sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quy đổi tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành.

11. Căn cứ Quy chế này và các phương thức tuyển sinh riêng được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có), các đơn vị đào tạo xây dựng quy định quy trình, hướng dẫn chi tiết xét tuyển, công thức quy đổi điểm các phương thức xét tuyển khác, tổ chức thi năng khiếu, thi phỏng vấn kết hợp (nếu có), đáp ứng các quy định tại Quy chế này và các quy định liên quan hiện hành của Bộ GDĐT. Đối với các đơn vị đào tạo trực thuộc ĐHQGHN, Hiệu trưởng trình Giám đốc ĐHQGHN xem xét ký ban hành Quy định tổ chức thi năng khiếu, thi phỏng vấn, thi bổ trợ và quy định khác (nếu có).

12. Căn cứ Quy chế này, các trường xây dựng hướng dẫn tuyển sinh hằng năm cho hình thức đào tạo thường xuyên bảo đảm phù hợp, không trái các quy định hiện hành của ĐHQGHN và của Bộ GDĐT. Đồng thời, báo cáo ĐHQGHN cho ý kiến trước khi ký ban hành Hướng dẫn, triển khai thực hiện.

Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực thực hiện theo đơn vị hành chính do cấp có thẩm quyền quy định tại Phụ lục I của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách quy định tại Phụ lục II của Quy chế này:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại điểm a và điểm b khoản này chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

3. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

4. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,50] x Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

5. Đối với từng phương thức tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh riêng của đơn vị, có thể sử dụng các chính sách ưu tiên tuyển sinh riêng quy định cụ thể trong thông tin tuyển sinh, công bố công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị và không trái các quy định của Quy chế này.

Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo do đơn vị đào tạo quy định.

2. Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

3. Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo được ưu tiên xét tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

4. Giám đốc ĐHQGHN, Hiệu trưởng các trường thành viên căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (*trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức*):

a) Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;

b) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam có kết quả học tập hằng năm đạt tối thiểu 60/100 điểm, trong đó có kết quả 3 môn (bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn) theo các tổ hợp quy định của chương trình đào tạo tương ứng bảo đảm mức điểm mỗi môn đạt tối thiểu 60/100, kết hợp với kiểm tra kiến thức chuyên môn và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN.

c) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

d) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do đơn vị đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

5. Đơn vị đào tạo quy định chi tiết hình thức ưu tiên xét tuyển đối với các thí sinh đã đạt ngưỡng đầu vào hoặc cộng điểm (*điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích*) trên cơ sở hướng dẫn của ĐHQGHN cho các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các chương trình đào tạo theo nguyện vọng mà không dùng quyền tuyển thẳng;

b) Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;

c) Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật dự tuyển vào các chương trình đào tạo nghệ thuật phù hợp; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

d) Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế, có thành tích nổi trội hoặc năng khiếu đặc biệt phù hợp với chương trình đào tạo và quy định của ĐHQGHN.

6. Trên cơ sở các quy định chung của ĐHQGHN, các đơn vị đào tạo quy định cụ thể và công bố trong thông tin tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi tuyển sinh, chương trình, ngành đào tạo để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

Điều 9. Ngưỡng đầu vào các ngành đào tạo

1. Ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật sử dụng phương thức tuyển sinh theo kết quả thi tốt nghiệp THPT, trung học nghề được quy định hằng năm như sau:

a) Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên;

b) Bộ trưởng Bộ GDĐT chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Y tế quy định ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề; chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật.

2. Đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp, thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên và chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật áp dụng khoản 1 Điều này hoặc kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên;

3. Tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học đối với phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc phương thức tuyển sinh kết hợp, thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề áp dụng khoản 1 Điều này hoặc:

a) Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc

điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên đối với chương trình đào tạo Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học.

4. Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển trình độ đại học được áp dụng quy định ngưỡng đầu vào như sau:

a) Đối với thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo giáo viên, chương trình thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, chương trình thuộc lĩnh vực pháp luật trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10;

- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

b) Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học các chương trình đào tạo Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10;

- Tốt nghiệp THPT, trung học nghề loại khá hoặc có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức đạt (học lực xếp loại trung bình) và có 05 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

5. Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn, ngưỡng đầu vào do đơn vị đào tạo quy định.

6. Căn cứ yêu cầu bảo đảm chất lượng, ĐHQGHN xác định và công bố ngưỡng đầu vào chung trong toàn ĐHQGHN, trên cơ sở đó đơn vị đào tạo xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh trước thời gian kết thúc đăng ký dự tuyển theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm và yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo. Đối với ngưỡng đầu vào chương trình đào tạo giáo viên, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật ngưỡng đầu vào do đơn vị đào tạo xác định không được thấp hơn quy định tại Điều này.

Điều 10. Bảo lưu kết quả trúng tuyển

1. Thí sinh đã có giấy báo trúng tuyển được bảo lưu kết quả trúng tuyển trong những trường hợp sau:

- a) Đi nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân hoặc đi thanh niên xung phong tập trung ngay trong năm trúng tuyển theo quyết định hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn nghiêm trọng không thể nhập học đúng hạn, có hồ sơ y tế và xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên.

2. Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 1 gửi đơn xin bảo lưu kèm theo giấy tờ minh chứng tới đơn vị đào tạo gọi nhập học. Thời gian tối đa được bảo lưu kết quả đơn vị đào tạo quy định, nhưng không quá 36 tháng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ngay sau khi đủ điều kiện đi học trở lại, người được bảo lưu kết quả trúng tuyển phải thực hiện các thủ tục nhập học theo quy định của đơn vị đào tạo, trong đó phải cung cấp minh chứng đã hoàn thành nhiệm vụ hoặc đã được điều trị hồi phục. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có thời gian bảo lưu 36 tháng, Hiệu trưởng đơn vị đào tạo xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị đại học để ôn tập trước khi vào học chính thức.

Điều 11. Thông tin tuyển sinh

1. Đơn vị đào tạo xây dựng, công bố và thực hiện đúng cam kết thông tin tuyển sinh về đối tượng, điều kiện dự tuyển, nguồn tuyển, phương thức tuyển sinh, ngưỡng đầu vào, điểm cộng, độ lệch điểm, tiêu chí phụ (nếu có); có trách nhiệm giải trình với thí sinh, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội. Thông tin tuyển sinh phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Cung cấp đủ thông tin để thí sinh lựa chọn trường, chương trình đào tạo, phương thức tuyển sinh phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện cá nhân; chuẩn bị các điều kiện tham gia dự tuyển và thực hiện các bước theo kế hoạch tuyển sinh của đơn vị đào tạo;
- b) Cơ quan quản lý nhà nước và xã hội giám sát được việc thực hiện quy định của pháp luật và các cam kết đối với người học của đơn vị đào tạo trong công tác tuyển sinh và đào tạo.

2. Nội dung chủ yếu của thông tin tuyển sinh gồm có:

a) Giới thiệu về đơn vị đào tạo, chương trình đào tạo tuyển sinh, giấy phép hoạt động của ngành đào tạo (nếu có), quyết định ban hành chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện học tập và nghiên cứu, cơ sở vật chất, văn bằng tốt nghiệp, kết quả kiểm định chất lượng (nếu có), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp (trên tổng số nhập học), tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn (Phụ lục III của Quy chế);

b) Thông tin đầy đủ về chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình cả khóa học, từng năm học; chính sách học bổng, miễn giảm học phí, hỗ trợ tài chính, chỗ ở ký túc xá và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho người học;

c) Kế hoạch tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh các đợt trong năm (trong đó đợt 1 tuyển sinh đại học chính quy phù hợp với kế hoạch chung do Bộ GDĐT ban hành), gồm cả quy định về đối tượng, điều kiện tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển và số lượng tuyển sinh (dự kiến) đối với các chương trình đào tạo; quy tắc quy đối tượng đương ngưỡng đầu vào, điểm trúng tuyển của các phương thức, tổ hợp xét tuyển; phương thức và tiêu chí phân bổ người học theo học chương trình đào tạo của đơn vị đào tạo đối với trường hợp xét tuyển theo nhóm ngành, ngành có nhiều chương trình đào tạo cùng một mức điểm trúng tuyển; quy trình, thủ tục đăng ký dự tuyển và các thông tin cần thiết khác cho thí sinh;

d) Phương án xử lý rủi ro khi triển khai công tác tuyển sinh và cam kết trách nhiệm của đơn vị đào tạo.

3. Thông tin tuyển sinh, nội dung điều chỉnh, độ lệch điểm, số lượng tuyển sinh chính thức, ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào tại thông tin tuyển sinh (phụ lục IV của Quy chế) phải công bố trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị đào tạo theo kế hoạch tuyển sinh chung hằng năm của Bộ GDĐT; duy trì tối thiểu 04 năm liên tục kể từ ngày công bố, trường hợp cập nhật thông tin phải ghi thời điểm cập nhật.

Chương II

XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

Điều 12. Xây dựng kế hoạch xét tuyển

1. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GDĐT cho công tác xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy, đơn vị đào tạo phối hợp triển khai các quy trình:

- a) Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (gọi tắt là Hệ thống) hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia;
- b) Tổ chức xét tuyển tại đơn vị đào tạo theo quy định của Quy chế;
- c) Xử lý nguyện vọng trên Hệ thống (theo chu trình lập kết hợp với quy trình xét tuyển tại đơn vị đào tạo);
- d) Xác nhận nhập học trên Hệ thống và nhập học tại đơn vị đào tạo.

2. Căn cứ kế hoạch tuyển sinh chung, các đơn vị đào tạo xây dựng kế hoạch xét tuyển thẳng, xét tuyển các đợt 1 và xét tuyển đợt bổ sung (nếu có).

Điều 13. Tổ chức đăng ký và xét tuyển thẳng

1. Căn cứ thông tin tuyển sinh đã công bố, đơn vị đào tạo tổ chức cho thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này đăng ký dự tuyển.

2. Đơn vị đào tạo tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện; báo cáo ĐHQGHN kết quả xét tuyển trước khi công bố và cập nhật danh sách thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển (*trừ điều kiện tốt nghiệp THPT*) lên Hệ thống để xử lý nguyện vọng cùng với các phương thức xét tuyển khác theo kế hoạch chung, hoàn thành trước khi thí sinh đăng ký xét tuyển trên Hệ thống.

3. Thí sinh đã trúng tuyển vào đơn vị đào tạo theo kế hoạch xét tuyển thẳng thực hiện đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT để lựa chọn chương trình đào tạo đã trúng tuyển thẳng tại một đơn vị đào tạo hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác.

4. Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học theo kế hoạch chung.

5. Hiệu trưởng các đơn vị đào tạo không được yêu cầu thí sinh cam kết nhập học dưới mọi hình thức hoặc xác nhận nhập học sớm hơn lịch trình theo kế hoạch chung.

Điều 14. Đăng ký xét tuyển trên Hệ thống

1. Bộ GDĐT hỗ trợ tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của các đơn vị đào tạo. Thời gian đăng ký theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm.

2. Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy thực hiện đăng ký xét tuyển trên Hệ thống (hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia) theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT hằng năm.

3. Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau; nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất. Các chương trình đào tạo giáo viên chỉ xét tuyển thí sinh đăng ký ở các nguyện vọng có thứ tự từ 01 đến 05.

4. Thí sinh thể hiện nguyện vọng đăng ký xét tuyển trên Hệ thống như sau:

- a) Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất);
- b) Lựa chọn đơn vị đào tạo, đơn vị tuyển sinh (mã trường);
- c) Lựa chọn chương trình đào tạo (mã xét tuyển).

5. Trong đợt 1, thí sinh đăng ký xét tuyển và chỉ nộp lệ phí xét tuyển một lần duy nhất (không bao gồm lệ phí các kỳ thi năng khiếu, kỳ thi bổ trợ, kỳ thi độc lập) theo mức thu dịch vụ tuyển sinh do đơn vị đào tạo quy định.

Điều 15. Xét tuyển và xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung

1. Các đơn vị đào tạo tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển riêng, hoặc tự nguyện phối hợp theo nhóm để tổ chức xét tuyển theo các phương thức và tiêu chí xét tuyển chung theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm. Bộ GDĐT hướng dẫn lịch trình xét tuyển và hỗ trợ việc xử lý nguyện vọng trên Hệ thống.

2. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống, đơn vị đào tạo tải thông tin, dữ liệu từ Hệ thống bao gồm: dữ liệu đăng ký nguyện vọng, kết quả học tập cấp THPT (trung học nghề), kết quả kì thi tốt nghiệp THPT (trung học nghề), điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề), kết quả thi của các đơn vị tổ chức thi trong năm tuyển sinh, điểm chứng chỉ ngoại ngữ, dữ liệu về ưu tiên theo khu vực và đối tượng của những thí sinh dự tuyển để phục vụ xét tuyển.

3. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng chương trình đào tạo phù hợp với số lượng tuyển sinh đã công bố và không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một chương trình đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn;

d) Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Quy chế này;

e) Đơn vị đào tạo có thể quy định các tiêu chí phụ khác làm điều kiện cần để xét tuyển và không sử dụng làm tiêu chí phân loại thí sinh ở điểm c, khoản này.

4. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, đơn vị đào tạo tải danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) lên Hệ thống. Hệ thống tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng và trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm rà soát đầy đủ thông tin trong thông tin tuyển sinh với kết quả thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất sau mỗi lần Hệ thống trả kết quả xử lý nguyện vọng.

5. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, đơn vị đào tạo lập lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển phù hợp với số lượng tuyển sinh trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, đơn vị đào tạo quyết định điểm trúng tuyển vào các chương trình đào tạo (theo các phương thức tuyển sinh) và tải lên Hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, đơn vị đào tạo quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các chương trình đào tạo theo đúng nội dung công bố trong thông tin tuyển sinh. Đối với các đơn vị đào tạo trực thuộc ĐHQGHN, báo cáo Ban Chỉ đạo tuyển sinh phương án xác định điểm trúng tuyển để trình Giám đốc ĐHQGHN xem xét, phê duyệt.

6. Đối với các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc từ các nguồn tuyển khác theo yêu cầu riêng của từng chương trình đào tạo (*đơn vị phải công bố chỉ tiêu, tiêu chí, quy trình xét tuyển trong thông tin tuyển sinh*). Đơn vị có thể thực hiện việc phân bổ chỉ tiêu và tuyển sinh độc lập, trực tiếp như chương trình đào tạo chuẩn tương ứng hoặc sau khi trúng tuyển vào đơn vị, thí sinh có nguyện vọng theo học các chương trình này phải đạt điểm trúng tuyển vào chương trình đào

tạo tương ứng theo tổ hợp xét tuyển và phải đáp ứng điều kiện ngoại ngữ đầu vào theo quy định tại khoản 10 Điều 6 Quy chế này. Điểm đăng ký dự tuyển vào các chương trình này do đơn vị quy định nhưng tối thiểu bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển vào chương trình đào tạo chuẩn tương ứng.

7. Ký quyết định trúng tuyển và công nhận sinh viên: Trên cơ sở chỉ tiêu đã xác định và kết quả tuyển sinh, Hiệu trưởng trường đại học thành viên ký Quyết định trúng tuyển và công nhận sinh viên của đơn vị, Giám đốc ĐHQGHN ký Quyết định trúng tuyển và Quyết định công nhận sinh viên của các đơn vị đào tạo trực thuộc.

Điều 16. Thông báo kết quả, xác nhận nhập học và tổ chức nhập học

1. Đơn vị đào tạo công bố điểm trúng tuyển và các điều kiện, tiêu chí phụ (nếu có) vào các chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh, cam kết thông tin công bố chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả công bố trúng tuyển; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả trúng tuyển (điểm của thí sinh và tên phương thức trúng tuyển) trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo và của ĐHQGHN; giải đáp thắc mắc của thí sinh và xã hội (nếu có) về kết quả công bố.

2. Đơn vị đào tạo thông báo kết quả trúng tuyển cho từng thí sinh theo điểm và tên phương thức trúng tuyển kèm theo thủ tục nhập học và có quyền từ chối nhập học đối với thí sinh khai báo không trung thực về thông tin cá nhân đăng ký xét tuyển.

3. Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống trước khi nhập học tại đơn vị đào tạo trong thời hạn quy định.

4. Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định:

a) Trường hợp không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh đã từ chối nhập học và đơn vị đào tạo có quyền không tiếp nhận;

b) Trường hợp do ốm đau, tai nạn, có giấy xác nhận của bệnh viện cấp cơ bản trở lên hoặc do thiên tai có xác nhận của ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị đào tạo xem xét quyết định tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh, việc chấp thuận thí sinh vào học do Hiệu trưởng quyết định và chịu trách nhiệm giải trình về thời gian tiếp nhận thí sinh nhập học muộn (nếu có);

c) Trường hợp do sai sót, nhầm lẫn được xác định thuộc lỗi kỹ thuật khách quan trong công tác tuyển sinh, Hiệu trưởng chủ động phối hợp với các cá nhân, tổ chức liên quan xem xét các minh chứng và quyết định việc tiếp nhận thí sinh vào học hoặc bảo lưu kết quả tuyển sinh để thí sinh vào học; lập hồ sơ lưu trữ và báo cáo danh sách riêng thí sinh bị sự cố trong báo cáo kết quả tuyển sinh hằng năm.

5. Thí sinh đã xác nhận nhập học tại một cơ sở đào tạo không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung trong năm tuyển sinh, trừ trường hợp được Hiệu trưởng cơ sở đào tạo trúng tuyển cho phép.

6. Ký và đóng dấu giấy báo thí sinh trúng tuyển

a) Hiệu trưởng trường đại học thành viên ký và đóng dấu giấy báo thí sinh trúng tuyển vào trường.

b) Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên ký và đóng dấu giấy báo thí sinh trúng tuyển vào các đơn vị đào tạo trực thuộc ĐHQGHN.

Điều 17. Tổ chức đăng ký và xét tuyển các đợt bổ sung

1. Căn cứ số lượng tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học vào các chương trình đào tạo, HĐTS đơn vị báo cáo Ban Chỉ đạo tuyển sinh ĐHQGHN xem xét phê duyệt kế hoạch xét tuyển bổ sung đối với các chương trình đào tạo chưa tuyển đủ trong đợt 1. Sau khi có ý kiến của ĐHQGHN, đơn vị công bố kế hoạch, phương thức xét tuyển và hình thức đăng ký xét tuyển, điều kiện xét tuyển bổ sung đối với các chương trình đào tạo theo từng phương thức xét tuyển nhưng không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt 1.

2. Thí sinh chưa trúng tuyển hoặc đã trúng tuyển nhưng chưa xác nhận nhập học vào bất cứ nơi nào có thể đăng ký xét tuyển đợt bổ sung theo kế hoạch và hướng dẫn của đơn vị đào tạo.

3. Kết thúc mỗi đợt xét tuyển, đơn vị đào tạo công bố trên trang thông tin điện tử của đơn vị điểm trúng tuyển và các điều kiện, tiêu chí phụ (nếu có) vào các chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân (điểm của thí sinh và tên phương thức trúng tuyển); gửi giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn cho thí sinh trúng tuyển nhập học.

Điều 18. Trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác xét tuyển

1. Trách nhiệm của thí sinh

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của các đơn vị đào tạo, không đăng ký nguyện vọng vào những chương trình đào tạo hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện;

b) Cung cấp đầy đủ, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có), nguyện vọng đăng ký, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có); tính xác thực của các giấy tờ minh chứng;

c) Đồng ý để đơn vị đào tạo mà mình dự tuyển được quyền sử dụng thông tin, dữ liệu cần thiết phục vụ cho công tác xét tuyển;

d) Tự chịu trách nhiệm về rủi ro phát sinh khi sử dụng kết quả các kỳ thi tuyển sinh, kỳ thi độc lập của các cơ sở đào tạo hoặc các tổ chức nước ngoài tổ chức kỳ thi độc lập;

e) Hoàn thành thanh toán mức thu dịch vụ tuyển sinh trước khi kết thúc thủ tục đăng ký dự tuyển theo quy định của các đơn vị đào tạo.

2. Trách nhiệm của đơn vị đào tạo

- a) Cung cấp đầy đủ, đúng định dạng và bảo đảm tính xác thực của thông tin, dữ liệu tuyển sinh lên Hệ thống;
- b) Quy định (hoặc thống nhất với các cơ sở đào tạo khác) về mức thu, phương thức thu và sử dụng lệ phí dịch vụ tuyển sinh;
- c) Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn, hướng dẫn thí sinh; thực hiện các biện pháp kỹ thuật để hạn chế thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến đơn vị đào tạo hoặc chuyển đi do sai sót khách quan trong tuyển sinh;
- d) Tuân thủ quy trình xét tuyển, bảo đảm xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện đúng cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố;
- e) Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;
- f) Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của đơn vị đào tạo theo quy định của pháp luật;
- g) Chủ động tạm dừng tuyển sinh và báo cáo ĐHQGHN, Bộ GDĐT việc tạm dừng tuyển sinh đối với các chương trình đào tạo khi không đủ điều kiện duy trì tổ chức thực hiện đào tạo theo quy định hiện hành, không đáp ứng các quy định của pháp luật liên quan;
- h) Trừ trường hợp thay đổi chính sách tuyển sinh theo quy định của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN, đơn vị đào tạo công bố công khai việc điều chỉnh phương thức tuyển sinh tối thiểu trước 12 tháng và khuyến khích công bố điều chỉnh phương thức tuyển sinh trước 36 tháng kể từ năm tuyển sinh 2027;
- i) Đảm bảo quyền lợi của thí sinh khi sử dụng kết quả kỳ thi tuyển sinh, kết quả kỳ thi độc lập trong xét tuyển đại học.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của ĐHQGHN

1. Ban hành kế hoạch tuyển sinh chung và xây dựng các văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh tại ĐHQGHN.
2. Giám đốc ĐHQGHN ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh của ĐHQGHN để chỉ đạo các đơn vị đào tạo trong công tác tuyển sinh đảm bảo đúng quy định của Quy chế này.
 - a) Thành phần Ban Chỉ đạo tuyển sinh gồm có:
 - Trưởng ban: Đại diện Ban Giám đốc;
 - Phó Trưởng ban/Uỷ viên thường trực: Đại diện lãnh đạo Ban Đào tạo và Công tác sinh viên;

- Các uỷ viên: Đại diện lãnh đạo Văn phòng, các ban chức năng liên quan, đại diện lãnh đạo các đơn vị đào tạo và một số đơn vị liên quan khác thuộc ĐHQGHN;

- Ủy viên Thư ký: Chuyên viên Ban Đào tạo và Công tác sinh viên.

Những người có người thân (con, vợ/chồng, anh, chị, em ruột của mình và của chồng/vợ) dự thi hay đăng ký xét tuyển vào ĐHQGHN không được tham gia Ban Chỉ đạo tuyển sinh trong năm tuyển sinh.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chỉ đạo tuyển sinh

- Chỉ đạo và tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn tuyển sinh của ĐHQGHN;
- Chỉ đạo và tổ chức triển khai công tác tuyển sinh của ĐHQGHN;
- Điều phối các nguồn lực phục vụ công tác tuyển sinh đảm bảo sự liên thông, thống nhất trong toàn ĐHQGHN;
- Thông qua và công bố thông tin tuyển sinh chung của ĐHQGHN;
- Quy định tiêu chí và ngưỡng đầu vào chung trong toàn ĐHQGHN;
- Giám sát, kiểm tra công tác tổ chức tuyển sinh của các đơn vị đào tạo;
- Bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo (Ban Đào tạo và Công tác sinh viên) quản lý tài khoản, mật khẩu tuyển sinh của các đơn vị trên Hệ thống tuyển sinh (trang nghiệp vụ) của Bộ GDĐT; hậu kiểm công tác tuyển sinh đại học theo kế hoạch hằng năm.

3. Ban Chỉ đạo tuyển sinh ĐHQGHN quyết định bổ sung phương thức tuyển sinh cho một số chương trình đào tạo đặc thù (nếu có) không quy định tại Quy chế này và xem xét, quyết định các trường hợp đặc biệt khác nhưng không trái Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và các quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy chế này và quy định của pháp luật theo chức năng nhiệm vụ.

Điều 20. Tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị đào tạo

1. Hiệu trưởng thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh của đơn vị.

2. Thành phần của HĐTS gồm có:

- a) Chủ tịch: Đại diện lãnh đạo đơn vị;
- b) Phó Chủ tịch: Cấp phó lãnh đạo đơn vị;
- c) Ủy viên thường trực: đại diện lãnh đạo phòng Đào tạo hoặc đại diện lãnh đạo phòng được giao nhiệm vụ tuyển sinh đại học;
- d) Các uỷ viên: Một số trưởng phòng, trưởng khoa, trưởng bộ môn và cán bộ công nghệ thông tin, cán bộ phụ trách công tác tuyển sinh của đơn vị; đại diện Ban Đào tạo và Công tác sinh viên (đối với các đơn vị đào tạo trực thuộc ĐHQGHN).

Những người có người thân (con, vợ/chồng, anh, chị, em ruột của mình và của chồng/vợ) dự thi hay đăng ký xét tuyển vào đơn vị không được tham gia HĐTS và các tiểu ban giúp việc HĐTS của đơn vị trong năm tuyển sinh.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐTS các đơn vị đào tạo

a) Trên cơ sở Quy chế tuyển sinh này, các đơn vị đào tạo xây dựng hướng dẫn để cụ thể hóa những quy định của Quy chế này cho các hình thức đào tạo, công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị;

b) Tổ chức tuyển sinh theo thông tin tuyển sinh công bố và Quy chế, Hướng dẫn tuyển sinh hằng năm, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện trách nhiệm giải trình với ĐHQGHN và Bộ GDĐT, các cơ quan có thẩm quyền và xã hội về toàn bộ công tác tuyển sinh của đơn vị;

c) Tổ chức rà soát thông tin tuyển sinh, tiến hành kiểm tra nội bộ, hậu kiểm hoạt động tuyển sinh; chủ động giải quyết các rủi ro phát sinh của đơn vị; giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan tới công tác tuyển sinh của đơn vị theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Chậm nhất ngày 31 tháng 12 hằng năm, đơn vị đào tạo phải hoàn thành cập nhật dữ liệu thực tuyển của tất cả các hình thức đào tạo bao gồm: thông tin thí sinh; thông tin xét tuyển của thí sinh; kết quả xét tuyển của thí sinh; thông tin về chương trình đào tạo tuyển sinh; thông tin về phương thức tuyển sinh đã thông báo tuyển sinh trên Hệ thống của Bộ GDĐT;

e) Bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến tuyển sinh trong suốt khóa đào tạo theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục. Đối với đơn vị tổ chức các kỳ thi phục vụ xét tuyển đại học (phỏng vấn, sơ tuyển, thi năng khiếu,...) phải bảo quản danh sách phòng thi, danh sách thí sinh, bài thi của thí sinh (nếu có), file ghi âm/ghi hình, hồ sơ và kết quả chấm thi theo thời hạn quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT;

f) Đơn vị đào tạo sử dụng kết quả kỳ thi độc lập để xét tuyển đại học phải có trách nhiệm thực hiện việc đối sánh với kết quả học tập của sinh viên hằng năm và sau 03 năm liên tiếp áp dụng từ năm 2026 với các tiêu chí: kết quả học tập và thời gian học tập của người trúng tuyển nếu sử dụng phương thức xét tuyển độc lập;

g) Thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh, lệ phí xét tuyển theo quy định của nhà nước;

h) Tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐTS

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của đơn vị;

b) Báo cáo Ban Chỉ đạo tuyển sinh và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của đơn vị;

c) Thành lập các tiểu ban giúp việc cho HĐTS để triển khai công tác tuyển sinh.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐTS: Thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐTS phân công và thay mặt Chủ tịch HĐTS giải quyết công việc khi được uỷ quyền.

6. Tiểu ban Thư ký HĐTS

a) Chủ tịch HĐTS thành lập tiểu ban Thư ký.

b) Thành phần tiểu ban thư ký HĐTS gồm có:

- Trưởng ban do Ủy viên thường trực HĐTS đơn vị kiêm nhiệm;
- Các thành viên: một số cán bộ phòng chuyên môn, cán bộ các khoa liên quan và cán bộ công nghệ thông tin.

c) Nhiệm vụ và quyền hạn của tiểu ban Thư ký

- Cập nhật thông tin tuyển sinh và các thông tin tuyển sinh khác của đơn vị lên Hệ thống của Bộ GDĐT, của ĐHQGHN và trang thông tin điện tử của đơn vị và các phương tiện thông tin đại chúng;

- Dự kiến phương án điểm trúng tuyển, trình HĐTS quyết định; Lập danh sách thí sinh trúng tuyển theo phương án tuyển sinh đã được phê duyệt;

- Cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN;

- In, trình ký và gửi giấy báo thí sinh trúng tuyển;

- Kiểm tra hồ sơ thí sinh trúng tuyển theo quy định tại Quy chế tuyển sinh;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch HĐTS giao.

7. Các tiểu ban giúp việc khác (nếu có) do Chủ tịch HĐTS quy định.

Điều 21. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ và thí sinh có hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức thi được xử lý theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT và quy định của ĐHQGHN.

2. Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng ký dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào các đơn vị đào tạo thuộc ĐHQGHN trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người có hành vi vi phạm Quy chế này là công chức, viên chức, tùy theo mức độ sẽ bị cơ quan quản lý cán bộ xử lý theo quy định của Luật Giáo dục đại học; Luật Viên chức, Luật Cán bộ, công chức và các văn bản quy định về xử lý kỷ luật viên chức, công chức.

4. Đơn vị đào tạo vi phạm về công tác tuyển sinh tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị áp dụng xử lý theo quy định của ĐHQGHN và các quy định pháp luật hiện hành. Hiệu trưởng, chủ tịch HĐTS và những cá nhân có liên quan của đơn vị đào tạo vi phạm cũng bị xử lý theo quy định pháp luật có liên quan.

5. Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐTS chịu trách nhiệm trong việc xác định danh sách thí sinh trúng tuyển đảm bảo tỉ lệ gọi trúng tuyển của chương trình đào tạo không vượt so với chỉ tiêu được giao. Trường hợp, đơn vị gọi vượt chỉ tiêu sẽ bị trừ vào chỉ tiêu tuyển sinh năm tiếp theo, bị xử lý theo Quy chế tuyển sinh hiện hành và các quy định liên quan khác.

Điều 22. Khen thưởng

Trường Ban Chỉ đạo, Chủ tịch HĐTS đơn vị khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định hiện hành của ĐHQGHN đối với các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; người có nhiều thành tích đóng góp cho công tác tuyển sinh của ĐHQGHN, của đơn vị đào tạo.

Điều 23. Chế độ báo cáo và lưu trữ

1. Chế độ báo cáo

Hàng năm, HĐTS các đơn vị gửi báo cáo Ban Chỉ đạo tuyển sinh (qua Ban Đào tạo và Công tác sinh viên):

- a) Quyết định thành lập HĐTS và các tiểu ban chuyên môn;
- b) Thông tin tuyển sinh (theo mẫu tại Phụ lục III Quy chế này) trước khi công bố ít nhất 10 ngày;
- c) Quy định, quy trình và các văn bản hướng dẫn tuyển sinh của đơn vị (nếu có);
- d) Kết quả lọc ảo trước khi nhập kết quả xét tuyển lên Hệ thống lọc ảo (lần cuối); điểm trúng tuyển theo chương trình đào tạo trước khi công bố kết quả trúng tuyển;
- e) Danh sách thí sinh trúng tuyển (dự kiến) theo các phương thức tuyển sinh trước khi ra quyết định công nhận trúng tuyển chính thức;
- f) Quyết định trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển theo các phương thức tuyển sinh; Danh sách nhập học theo các phương thức tuyển sinh;
- g) Đối với các chương trình đào tạo chưa tuyển đủ chỉ tiêu trong đợt 1, đơn vị báo cáo Ban Chỉ đạo tuyển sinh ĐHQGHN xem xét, phê duyệt kế hoạch xét tuyển bổ sung trước khi ra thông báo xét tuyển đợt bổ sung (nếu có);
- h) Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh của đơn vị.

2. Chế độ lưu trữ

Đơn vị đào tạo có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác tuyển sinh theo các quy định hiện hành của Bộ GDĐT.

- a) Quyết định trúng tuyển, quyết định công nhận sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại đơn vị đào tạo;
- b) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;
- c) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 24. Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quy chế tuyển sinh đại học chính quy tại ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 1868/QĐ-ĐHQGHN ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Quy chế tuyển sinh đại học vừa làm vừa học tại ĐHQGHN ban hành theo Quyết định số 2319/QĐ-ĐHQGHN ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc ĐHQGHN. Những quy định trước đây (nếu có) trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Hàng năm, Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung, cập nhật theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, các đơn vị báo cáo ĐHQGHN (qua Ban Đào tạo và Công tác sinh viên) để trình Giám đốc ĐHQGHN xem xét quyết định./.

Phụ lục I
KHU VỰC ƯU TIÊN

*(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương.

Phụ lục II
ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm 1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1
02	a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm 2</i>	
04	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.
05	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
06	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên; c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.

Phụ lục III**THÔNG TIN TUYỂN SINH**

(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đơn vị ...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM¹

(Hình thức đào tạo:²)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị đào tạo:
2. Mã đơn vị đào tạo trong tuyển sinh
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương)
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử
5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh (nếu đơn vị đào tạo có tổ chức thi)
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của đơn vị đào tạo³ (CTĐT; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các chương trình đào tạo, phương thức, trình độ đào tạo ngành...)

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển
2. Mô tả phương thức tuyển sinh⁴ (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)
3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh
 - Ngưỡng đầu vào
 - Điểm trúng tuyển
4. Số lượng tuyển sinh (Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.						- Phương thức 1 (Tổ hợp...) - Phương thức 2... - Phương thức 3...	
2.							
3.							
...							

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào đơn vị đào tạo

- a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

b. Điểm cộng

c. Tiêu chí phân bổ ngành, chương trình đào tạo (tuyển sinh theo nhóm ngành)

d. Các thông tin khác...

6. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển.

7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh (xét tuyển, thi tuyển)

9. Cam kết của đơn vị đào tạo đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

11. Thông tin về tuyển sinh của 02 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm ... (Vi dụ: 2024 nếu tuyển sinh năm 2025)			Năm ... (Vi dụ: 2023 nếu tuyển sinh năm 2025)			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.												
2.												
3.												
...												

Cán bộ tuyển sinh

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ email)

.....ngày..... thángnăm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

¹ Thông tin tối thiểu, đơn vị đào tạo bổ sung các thông tin khác (nếu cần).

² Chính quy/đào tạo thường xuyên (liên thông, đã có một văn bằng...); cập nhật theo kế hoạch tuyển sinh bảo đảm quy định về công bố thông tin tuyển sinh.

³ Theo quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc công khai các thông tin về hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

⁴ Phân biệt trình độ đại học và cao đẳng.

^{5, 6} Theo danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Phụ lục IV
THÔNG TIN TUYỂN SINH CẬP NHẬT
(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đơn vị ... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM CẬP NHẬT
 (Hình thức đào tạo:)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị đào tạo:
2. Mã đơn vị đào tạo trong tuyển sinh
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương)
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử
5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh³ (nếu đơn vị đào tạo có tổ chức thi)
6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh cập nhật
 - Ngưỡng đầu vào
 - Điểm trúng tuyển
2. Số lượng tuyển sinh cập nhật (Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.						- Phương thức 1 (Tổ hợp...) - Phương thức 2... - Phương thức 3...	
2.							
3.							
...							

Cán bộ tuyển sinh
 (Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ email)

.....ngày..... thángnăm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phụ lục V**BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH SANG THANG ĐIỂM 10**

(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

STT	Trình độ Tiếng Anh		Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sang thang điểm 10
	IELTS (Academic)	TOEFL iBT	
1	5.5	72-78	8,0
2	6.0	79-87	8,5
3	6.5	88-95	9,0
4	7.0	96-101	9,5
5	7.5-9.0	102-120	10

Phụ lục VI**CÁC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ SỬ DỤNG TRONG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu (*)	Đơn vị cấp chứng chỉ
Tiếng Anh	IELTS 5.5 điểm (Academic)	- British Council (BC) - International Development Program (IDP)
	TOEFL iBT 72 điểm	Educational Testing Service (ETS)
	B2 (Vstep 3-5)	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN
Tiếng Nga	TRKI-2	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi)
Tiếng Pháp	- TCF 400 điểm - DELF B2	Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP)
Tiếng Trung Quốc	HSK và HSKK cấp độ 4	- Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Hanban); Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese)
Tiếng Đức	- DSH B2 - TestDaF B2 - Goethe-Zertifikat B2 - DSD B2 - TELC B2 - ÖSD Zertifikat B2	- Các trường đại học Đức - Viện TestDaF - Viện Goethe (Goethe-Institut) - KMK (Hội đồng Bộ trưởng văn hóa, giáo dục của Liên bang và các bang CHLB Đức) - TELC B2 (TELC GmbH) - Hiệp hội ÖSD (Cộng hòa Áo)
Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)
Tiếng Hàn	TOPIK II cấp độ 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (KICE)

(*) Chứng chỉ ngoại ngữ phải đủ 4 kỹ năng, trừ các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác tiếng Anh có 3 kỹ năng được công nhận là TOPIK (tiếng Hàn), JLPT (tiếng Nhật), TCF (Tiếng Pháp);

- Các đơn vị xây dựng thang quy đổi điểm cho các chứng chỉ ngoại ngữ khác (ngoài tiếng Anh) trong tổ hợp xét tuyển tương ứng với bảng quy đổi điểm chứng chỉ tại Phụ lục V;

- Ngoài ra, các đơn vị có thể sử dụng Danh mục các chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành để quy đổi điểm như 01 môn trong tổ hợp xét tuyển và không được cao hơn mức điểm quy đổi tại Quy chế này;

- ĐHQGHN không chấp nhận các chứng chỉ ngoại ngữ thi online./.

Phụ lục VII

XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN HỌC SINH THPT VÀO BẠC ĐẠI HỌC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

1. ĐHQGHN xét tuyển thăng, ưu tiên xét tuyển các đối tượng được quy định tại Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và Quy chế này;

2. Học sinh THPT trên toàn quốc được **ưu tiên xét tuyển** (cộng điểm) vào bậc đại học tại ĐHQGHN theo chương trình, ngành đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đạt giải (*môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển hoặc môn đạt giải phù hợp với chương trình, ngành đào tạo*) nếu tốt nghiệp THPT, có kết quả học tập cả 3 năm cấp THPT được đánh giá mức tốt (*học lực xếp loại giỏi trở lên*) và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- a) Đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- b) Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi (HSG) bậc THPT cấp ĐHQGHN;
- c) Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

3. Học sinh THPT thuộc ĐHQGHN đã tham gia Chương trình VNU 12+ và tích lũy trước tối thiểu 03 học phần thuộc khối kiến thức nền tảng trong 01 chương trình đào tạo đại học, trong đó có tối thiểu từ 02 học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức theo khối ngành, nhóm ngành hoặc khối kiến thức ngành và các tiêu chí khác được quy định tại Quyết định số 2008/QĐ-ĐHQGHN ngày 16/05/2024 của Giám đốc ĐHQGHN ban hành Quy định đào tạo thí điểm Chương trình ươm tạo tài năng từ bậc THPT tại ĐHQGHN và Quyết định số 3557/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/07/2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quyết định số 2008/QĐ-ĐHQGHN được **ưu tiên xét tuyển** (cộng điểm) vào bậc đại học theo chương trình, ngành đào tạo phù hợp.

Thí sinh đạt tiêu chí quy định tại Phụ lục này trong các năm học THPT được bảo lưu kết quả khi xét tuyển thăng, ưu tiên xét tuyển vào bậc đại học tại ĐHQGHN (trong thời gian 3 năm tính từ thời điểm đạt giải đến khi đăng ký xét tuyển).

Phụ lục VIII
HƯỚNG DẪN CỘNG ĐIỂM THUỞNG, ĐIỂM XÉT THUỞNG,
ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH

*(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

1. Đối với các thí sinh quy định tại **khoản 2 Điều 8 Quy chế này** (thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế) dự tuyển vào các chương trình đào tạo theo nguyện vọng mà không dùng quyền xét tuyển thẳng được cộng điểm như sau:

- Giải nhất HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **3,0** điểm;
- Giải nhì HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **2,5** điểm;
- Giải ba HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **2,0** điểm.

2. Đối với các thí sinh quy định tại **khoản 3 Điều 8, điểm b khoản 5 Điều 8 Quy chế này** được ưu tiên xét tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp, được cộng điểm như sau:

- Giải khuyến khích HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **1,5** điểm.
- Giải nhất cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **1,5** điểm;
- Giải nhì cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **1,0** điểm;
- Giải ba cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **0,5** điểm.

3. Đối với các thí sinh đạt giải HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, đạt giải Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương được ưu tiên xét tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp, được cộng điểm như sau:

- Giải nhất (HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **1,5** điểm;
- Giải nhì (HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **1,0** điểm;
- Giải ba (HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **0,5** điểm.

*Ngoài ra, các đơn vị có thể xem xét việc cộng điểm (điểm xét thưởng) cho những thí sinh đạt Giải khuyến khích hoặc Giải tư (kỳ thi khoa học kỹ thuật quốc gia, quốc tế, HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng tối đa **0,25** điểm.*

4. Thí sinh tham gia chương trình VNU 12+ được lựa chọn kết quả học tập của tối thiểu 3 học phần trong chương trình đào tạo đại học đã tích lũy để tính GPA (chi tiết tại Mục 3, Phụ lục 7) được cộng điểm như sau:

- GPA đạt loại Xuất sắc: được cộng **1,5** điểm;
- GPA đạt loại Giỏi: được cộng **1,0** điểm;
- GPA đạt loại Khá: được cộng **0,5** điểm.

5. Ngoài ra, các đơn vị có thể xem xét cộng điểm khuyến khích cho các thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: IELTS đạt tối thiểu 5.5, TOEFL iBT đạt tối thiểu 72 điểm hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác được Bộ GDĐT chấp nhận, đạt trình độ tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong trường hợp thí sinh chưa sử dụng chứng chỉ quy đổi điểm để xét tuyển, mức điểm khuyến khích cụ thể như sau:

- Bậc 6: cộng tối đa **1,50** điểm;
- Bậc 5: cộng tối đa **1,25** điểm;
- Bậc 4: cộng tối đa **1,00** điểm.

Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại Phụ lục Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT các đơn vị có thể quy đổi như một môn trong tổ hợp xét tuyển với trọng số tính điểm xét không vượt quá 1/3 (*điểm quy đổi không được cao hơn mức điểm quy đổi tại Quy chế này*);

Đối với các đơn vị không xét tuyển độc lập bằng kết quả các kỳ thi SAT, ACT hoặc A-Level thì có thể xem xét cộng điểm khuyến khích cho thí sinh đạt kết quả cao trong các kỳ thi SAT, ACT hoặc A-Level với mức điểm cộng không quá 1,50 điểm (khoảng cách giữa các thang điểm là 0,25).

Căn cứ Quy chế này, các đơn vị xây dựng hướng dẫn chi tiết, nguyên tắc áp dụng điểm cộng, quy trình quy định tiêu chí xét tuyển cụ thể và cập nhật, bổ sung vào thông tin tuyển sinh đại học. Đồng thời, gửi báo cáo ĐHQGHN (qua Ban Đào tạo và Công tác sinh viên) trước khi công bố thông tin tuyển sinh chính thức./.